

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 363/2019/DS-PT

Ngày: 23-4-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quang

Các thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Hên

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 280/2018/TLPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 944/2019/QĐ-PT ngày 04/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1866/2019/QĐ-PT ngày 02/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Trần H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 1, Khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng V.

Địa chỉ: Đường T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2013).

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp A, xã B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm Văn P, sinh năm 1954

2. Bà Võ Thị B, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V trình bày: Ngày 18/12/2012, ông Lê Văn T có vay của ông Võ Trần H số tiền

260.000.000 đồng. Thời hạn vay là 02 tháng, hạn chót thanh toán là ngày 18/02/2013, lãi suất 5%/tháng. Khi vay ông T nói ông Lâm Văn P và bà Võ Thị B (ông P và bà B là ba mẹ vợ của ông T) cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 544705 do Ủy ban nhân dân Huyện C cấp ngày 19/6/2009, thửa đất số 21 và 555, tờ bản đồ số 15, diện tích 149,56m², tọa lạc xã B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp cho ông H.

Từ khi vay đến nay ông T chưa trả cho ông H tiền vốn và tiền lãi, đã nhiều lần ông H yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T cứ hẹn dài. Nay ông H yêu cầu ông T, ông P và bà B trả cho ông H số tiền 260.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước từ ngày 18/12/2012 cho đến thời điểm xét xử. Đồng thời ông H sẽ giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Văn P và bà Võ Thị B.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2015 bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông xác nhận có nợ tiền của ông N số tiền 260.000.000 đồng, chứ ông không mượn tiền của ông H. Sau khi mượn tiền ông đã trả cho ông N tổng số tiền là 80.000.000 đồng, còn việc viết giấy nợ cho ông H là do ông N đến chòì ông gây áp lực để ông viết giấy nhận nợ và để giữ uy tín trong làm ăn nên ông đã lén gia đình lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 544705 do Ủy ban nhân dân Huyện C cấp ngày 19/6/2009, thửa đất số 21 và 555, tờ bản đồ số 15, diện tích 149,56m², tọa lạc xã B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do hộ ông Lâm Văn P và bà Võ Thị B đứng tên để làm tin cho ông N. Việc ông lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên ông P, bà B không biết. Ông nợ tiền của ông N, nay ông H khởi kiện yêu cầu ông trả 260.000.000 đồng ông không đồng ý. Ông yêu cầu phải có mặt ông N để ông thỏa thuận việc trả tiền và yêu cầu ông H hoặc ông N phải có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P, bà B.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2015 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn P, bà Võ Thị B trình bày: Ông P và bà B khẳng định ông, bà không biết việc vay mượn số tiền 260.000.000 đồng giữa ông Lê Văn T và ông Võ Văn H. Ông, bà cũng không có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 544705 do Ủy ban nhân dân Huyện C cấp ngày 19/6/2009, thửa đất số 21 và 555, tờ bản đồ số 15, diện tích 149,56m², tọa lạc xã B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông T để ông T thế chấp vay tiền. Sau buổi làm việc tại Tòa án ông, bà về kiểm tra mới phát hiện không còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nữa. Ông, bà yêu cầu ông H phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà, còn việc ông T mượn tiền của ông H thì ông T có nghĩa vụ phải trả nợ cho ông H. Ngoài ra ông, bà không có ý kiến gì khác.

Tại bản án sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trần H đối với ông Lê Văn T.

Buộc ông Lê Văn T phải trả cho ông Võ Trần H số tiền 384.800.000đ (ba trăm tám mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng). Trong đó gồm 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 124.800.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng) tiền lãi. Sau khi ông T trả hết nợ nêu trên, ông H có

trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 544705 ngày 19/6/2009 đứng tên hộ ông Lâm Văn P và bà Lê Thị H cho ông P, bà B.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án quy định Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ nộp án phí của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 25/5/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm tuyên: “...Sau khi ông T trả hết nợ nêu trên, ông H có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 544705 ngày 19/6/2009 đứng tên hộ ông Lâm Văn P và bà Lê Thị H cho ông P, bà B” là không khách quan, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông P, bà B.

Ngoài ra Tòa án nhân dân Huyện C tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H, buộc ông T phải trả tiền vay và lãi suất theo ngân hàng, tuy nhiên chưa tuyên hủy giấy vay tiền ngày 18/12/2012 là thiếu sót.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn P, bà Võ Thị B vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến hết quá trình xét xử phúc thẩm. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện C được thực hiện trong thời hạn theo Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện C, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm tuyên “...Sau khi ông T trả hết nợ nêu trên, ông H có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 544705 ngày 19/6/2009 đứng tên hộ ông Lâm Văn P và bà Lê Thị H cho ông H, bà H” là không khách quan, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông P, bà B, bởi lẽ ông T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P, bà B đứng tên mà không được sự đồng ý của ông P và bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn P, bà Võ Thị B vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Do hồ sơ vụ án chỉ có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện C nên sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến yêu cầu kháng nghị của viện kiểm sát. Do đó, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Xét quyết định kháng nghị và thời hạn kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện C là đúng hình thức và trong thời hạn theo quy định tại Điều 279, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn ông Võ Trần H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn T trả cho ông H số tiền 260.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo giấy vay tiền và thế chấp tài sản ngày 18/12/2012. Đồng thời, ông H sẽ giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lâm Văn P và bà Võ Thị B mà ông T đã thế chấp cho ông H.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2015, ông P và bà B khẳng định ông bà không biết việc vay mượn số tiền 260.000.000 đồng giữa ông T và ông H. Ông bà cũng không đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 544705 do Ủy ban nhân dân Huyện C cấp ngày 19/6/2009, thửa đất số 21 và 555, tờ bản đồ số 15, diện tích 149,56m², tọa lạc xã B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông T để thế chấp vay tiền. Ông bà yêu cầu ông H phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà.

Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 19/8/2015, ông T cũng trình bày ông đã lên gia đình lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để thế chấp vay tiền, ông P và bà B không biết sự việc này.

Như vậy, việc ông T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của hộ ông P và bà B cho ông H mà không được sự đồng ý của ông P, bà B là trái quy định pháp luật và gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, bà B.

Vì vậy, bản án sơ thẩm tuyên “...Sau khi ông T trả hết nợ nêu trên, ông H có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 544705 ngày 19/6/2009 đứng tên hộ ông Lâm Văn P và bà Lê Thị H cho ông P, bà B” là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, bà B nên cần được sửa lại: Buộc ông H có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 544705 ngày 19/6/2009 đứng tên hộ ông Lâm Văn P và bà Lê Thị H cho ông P, bà B ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông T phải trả cho ông Võ Trần H số tiền 384.800.000đ (ba trăm tám mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng). Trong đó gồm 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 124.800.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng) tiền lãi theo giấy vay tiền và thế chấp tài sản ngày 18/12/2012 nhưng chưa tuyên hủy giấy vay tiền nêu trên là thiếu sót.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện C, sửa bản án dân sự sơ thẩm về các nội dung nêu trên theo khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 279, 280 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các điều 2, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 24; Điều 27 Pháp lệnh án phí số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện C. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trần H đối với ông Lê Văn T.

Buộc ông Lê Văn T phải trả cho ông Võ Trần H số tiền 384.800.000đ (ba trăm tám mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng). Trong đó gồm 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 124.800.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng) tiền lãi. Ông H có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 544705 ngày 19/6/2009 đứng tên hộ ông Lâm Văn P và bà Lê Thị B cho ông P, bà B ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hủy Giấy vay tiền và thế chấp tài sản ngày 18/12/2012 giữa người vay ông Lê Văn T và người cho vay ông Võ Trần H.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án quy định Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T phải chịu là 19.240.000đ (mười chín triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng), nộp cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Ông Võ Trần H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai

thu tiền số 04140 ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Không có.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Huyện C;
- TAND Huyện C;
- VKSND Huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quang